

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày 25/7/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Trúc Phương

2. Bà Nguyễn Thị Việt Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Trần Đức Tuyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-DS ngày 08/01/2025 và thông báo mở lại phiên tòa số: 05/2025/TB-TA ngày 11/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ông Lê Tấn K, sinh năm: 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 259, tổ 08, ấp T L, xã T H, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm: 1975 (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T L, xã T H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2024 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Tấn K trình bày:

Vào ngày 15/01/2024 (âm lịch) nhằm ngày 24/02/2024 ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T có đến nhà ông Lê Tấn K mua lúa nợ với tổng số tiền 746.760.000đ (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) ông L, bà T trả cho ông K được số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và còn nợ lại ông K số tiền 446.760.000đ (Bốn trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T có viết giấy nhận nợ và thừa nhận còn nợ ông K số

tiền trên và cam kết đến ngày 20/04/2024 sẽ trả đủ số tiền trên, nhưng đến ngày thanh toán tiền ông L, bà T chỉ hứa hẹn mà không chịu trả tiền. Ông K có đến nhà đòi nhiều lần nhưng ông L, bà T vẫn không chịu trả tiền.

Từ những nội dung trên ông Lê Tấn K khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T trả cho ông số tiền 463.760.000đ (*Bốn trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm từ ngày 24/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Văn L trình bày :

Vào ngày 15/01/2024 (âm lịch) nhằm ngày 24/02/2024 vợ chồng ông có đến nhà ông Lê Tấn K mua lúa nợ của ông K và còn thiếu ông K tổng số tiền là 463.760.000đ (*Bốn trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*) vợ chồng ông cam kết đến ngày 20/4/2024 âm lịch sẽ trả đủ số tiền trên cho ông K nhưng do làm ăn thất bại nên vợ chồng ông chưa trả số tiền trên cho ông K.

Tại phiên tòa ông L thừa nhận còn nợ ông Lê Tấn K số tiền 463.760.000đ (*Bốn trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*) hiện nay tài sản vợ chồng ông đang thế chấp tại Ngân hàng, khi nào Ngân hàng phát mãi tài sản nếu còn dư thì vợ chồng ông sẽ trả nợ cho ông K.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lời trình bày:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 3, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử thẩm phán đã vi phạm thời hạn xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật dân sự. Nhưng việc vi phạm thời hạn xét xử không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 3 đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn K.

Buộc ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T trả cho ông Lê Tấn K số tiền 529.196.536đ (*Năm trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó số tiền gốc là 463.760.000đ, tiền lãi 65.436.536đ.

Về án phí: Buộc ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền án phí 25.167.861đ (*Hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi một đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Tấn K khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T trả cho ông số tiền 463.760.000đ (*Bốn trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm từ ngày 24/02/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp T L, xã T H, tỉnh An Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 3, tỉnh An Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tám.

[4] Về nội dung : Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn K khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T trả cho ông số tiền 463.760.000đ (*Bốn trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi từ ngày 24/02/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn L xác nhận còn nợ ông Lê Tấn K số tiền 463.760.000đ (*Bốn trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[5] Xét yêu cầu xin được trả dần của ông Trần Văn L Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông L, bà T nợ tiền mua lúa của ông K kéo dài từ ngày 24/02/2024 cho đến nay ông K cũng tạo điều kiện cho ông L, bà T trả dần nhưng ông L, bà T không thực hiện. Việc ông L, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận xin trả dần của ông Trần Văn L.

[6] Xét yêu cầu tính lãi của ông K Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy xác nhận công nợ ngày 24/02/2024 có chữ ký của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T mặc dù hai bên có ký xác nhận công nợ nhưng trong giấy xác nhận nợ không thỏa thuận lãi suất do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền để xác định lãi suất như sau:

Từ ngày xác nhận công nợ ngày 24/02/2024 đến ngày 25/7/2025 là 17 tháng 01 ngày. Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất làm tròn chỉ yêu

cầu ông L, bà T trả tiền lãi là 17 tháng đây là sự tự nguyện của các đương sự nên HĐXX ghi nhận.

Gốc 463.760.000đ x 10%/năm (tương đương 0,83%/ tháng) x 17 tháng = 65.436.536đ

Gốc 463.760.000đ + số tiền lãi 65.436.536đ = 529.196.536đ

[7] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có ý kiến trình bày. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn K buộc ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T trả cho ông Lê Tấn K số tiền 529.196.536đ (*Năm trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó số tiền gốc là 463.760.000đ, tiền lãi 65.436.536đ.

[8] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là 529.196.536đ (*Năm trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng*).

Án phí tính như sau: 529.196.536đ án phí là 20.000.000đ + (129.196.536đ x 4%) = 25.167.861đ (*Hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi một đồng*).

- Yêu cầu của ông Kip được chấp nhận nên ông K không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho ông Lê Tấn K số tiền tạm ứng án phí 11.257.000đ (*Mười một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số: 0007064 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 tỉnh An Giang).

- Buộc ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền án phí 25.167.861đ (*Hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi một đồng*).

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 351, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn K.

2. Buộc ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T trả cho ông Lê Tấn K số tiền 529.196.536đ (*Năm trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó số tiền gốc là 463.760.000đ, tiền lãi 65.436.536đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Trả lại cho ông Lê Tấn K số tiền tạm ứng án phí 11.257.000đ (*Mười một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số: 0007064 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 tỉnh An Giang).

- Buộc ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền án phí 25.167.861đ (*Hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi một đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Ông Lê Tấn K, ông Trần Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu Vực 3;
- THA dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ